

Số: 1345/TTTr-UBND

Quảng Bình, ngày 23 tháng 7 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung,
điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Ngày 02/4/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 173/NQ-HĐND thông qua kế hoạch thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất phát sinh thêm một số công trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhưng các địa phương chưa đăng ký nên chưa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Bên cạnh đó, có một số công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhưng nay đo đạc thực tế diện tích, loại đất có sự thay đổi. Để thực hiện việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua kế hoạch thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình,

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

Tổng số dự án đề nghị bổ sung, điều chỉnh là 77 dự án, với tổng diện tích 203,86 ha, cụ thể:

1. Bổ sung mới 57 dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 35 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích 117,63 ha (bao gồm: 35,73 ha đất trồng lúa; 37,63 ha đất nông nghiệp khác; 37,59 ha đất phi nông nghiệp và 6,68 ha đất chưa sử dụng).

2. Bổ sung mới 07 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai, với tổng diện tích 14,38 ha (bao gồm: 6,54 ha đất trồng lúa; 0,06 ha đất rừng phòng hộ; 5,63ha đất nông nghiệp khác; 1,98 ha đất phi nông nghiệp và 0,17 ha đất chưa sử dụng).

3. Điều chỉnh 13 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 (trong đó có 11 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật đất đai) với tổng diện tích sau điều chỉnh là: 71,85 ha (bao gồm: 23,24 ha đất trồng lúa, 2,73 ha đất rừng phòng hộ, 19,29 ha đất nông nghiệp khác; 17,67 ha đất phi nông nghiệp và 8,92 ha đất chưa sử dụng).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT&NS HĐND tỉnh;
- Sở TNMT;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CVTNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT; CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 1345/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất					
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác		
I	Bổ sung 57 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 35 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)			117,63	35,73			37,63	37,59	6,68
1	Hạ tầng kết nối giao thông tuyến chính từ đường liên xã Long - Phương - Lưu kết nối với các trục đường vào Trung tâm huyện (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	6,50	5,00			0,50	1,00	
2	Mở rộng quy hoạch chi tiết khu ở mới Đồng Trạm thôn Phú Lộc 4, xã Quảng Phú	xã Quảng Phú	huyện Quảng Trạch	0,50	0,46				0,03	0,01
3	Trạm y tế xã Quảng Châu	xã Quảng Châu	huyện Quảng Trạch	0,27	0,12			0,13	0,02	
4	Xây dựng các tuyến đường kết nối từ trục N1 đến Trung tâm Dạy nghề huyện Quảng Trạch	Các xã: Quảng Phương, Quảng Hưng	huyện Quảng Trạch	3,50				1,32	0,08	2,10
5	Hạ tầng giao thông kết nối các khu dân cư từ chợ Quảng Lưu đi chợ Quảng Tiến	Các xã: Quảng Lưu, Quảng Tiến	huyện Quảng Trạch	1,31	0,70			0,50	0,06	0,05
6	Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ hoạt động sản xuất thủy sản huyện Quảng Trạch	Các xã: Quảng Châu, Quảng Xuân, Cảnh Dương	huyện Quảng Trạch	1,50	0,50			0,70	0,05	0,25
7	Nâng cấp, sửa chữa khẩn cấp tuyến đê kè đoạn qua thôn Phù Ninh, xã Quảng Thanh	xã Quảng Thanh	huyện Quảng Trạch	5,50	0,50			0,70	3,80	0,50
8	Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	2,00				1,50		0,50
9	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Bàu Sen tại Trung tâm huyện Quảng Trạch	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	3,00				1,07	1,83	0,10
10	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Thanh - Quảng Phương - Quảng Lưu - Quảng Tiến	Các xã: Quảng Thanh, Quảng Phương, Quảng Lưu, Quảng Tiến	huyện Quảng Trạch	0,55	0,30			0,05		0,20
11	Hạ tầng kết nối giao thông từ trung tâm huyện Quảng Trạch đến Quốc lộ 12A (giai đoạn 1)	Các xã: Quảng Phương, Liên Trường	huyện Quảng Trạch	14,00	4,20			7,40	1,80	0,60

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất					
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác		
12	Tuyến đường nối từ phía Nam hồ Bàu Mây kết nối với tuyến đường liên xã Quảng Phương (Bổ sung diện tích thu hồi)	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	0,04					0,04	
13	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư	xã Xuân Ninh	huyện Quảng Ninh	0,54	0,54					
14	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư	xã Vạn Ninh	huyện Quảng Ninh	0,28				0,13		0,15
15	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ thôn Văn La	xã Lương Ninh	huyện Quảng Ninh	0,28				0,28		
16	Dự án Mở rộng Trường Tiểu học Lương Ninh (bổ sung thêm diện tích)	xã Lương Ninh	huyện Quảng Ninh	0,29	0,20			0,09		
17	Dự án Trường Mầm non Khu vực Lương Yên (bổ sung thêm diện tích)	xã Lương Ninh	huyện Quảng Ninh	0,81	0,67			0,14		
18	Chùa Cảnh Tiên	xã Gia Ninh	huyện Quảng Ninh	0,65				0,54	0,11	
19	Trạm biến áp 110 kV Tuyên Hóa và đấu nối	Các xã: Lê Hóa, Sơn Hóa, Thạch Hóa, Đức Hóa, Phong Hóa, Mai Hóa, Tiến Hóa và TT Đông Lê (huyện Tuyên Hóa) và các xã: Hồng Hóa, Yên Hóa, Hóa Phúc (huyện Minh Hóa)	các huyện: Tuyên Hóa, Minh Hóa	2,06	0,21			1,74	0,06	0,05
20	Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110 kV từ TBA 220 kV Đồng Hới - TBA 110 kV Đồng Hới	phường Bắc Nghĩa	thành phố Đồng Hới	0,07	0,02			0,05		
21	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư	xã Kim Hóa	huyện Tuyên Hóa	0,35	0,30			0,01	0,04	
22	Nghĩa trang liệt sỹ xã Châu Hóa	xã Châu Hóa	huyện Tuyên Hóa	0,36	0,09			0,20	0,07	
23	Hạ tầng kỹ thuật nối quy hoạch khu vực phía Đông ngã ba thị trấn Hoàn Lão ra biển Trung Trạch	xã Trung Trạch	huyện Bố Trạch	5,99	0,02			5,34	0,52	0,11
24	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư	xã Phúc Trạch	huyện Bố Trạch	0,18				0,15	0,03	
25	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư	xã Tây Trạch	huyện Bố Trạch	0,32					0,32	
26	Tuyến đường nối từ đường huyện Khương Hà - Cự Năm vào thôn Bắc Năm	xã Cự Năm	huyện Bố Trạch	0,30	0,16			0,01	0,13	
27	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư	TT Hoàn Lão	huyện Bố Trạch	0,17				0,13	0,01	0,03

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất					
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác		
28	Xây dựng Nhà văn hóa thôn 1, 5, 6	xã Đồng Trạch	huyện Bố Trạch	0,89	0,34			0,50	0,05	
29	Kè chống sạt lở bờ tả sông Lý Hòa, đoạn qua thôn Nam Sơn, xã Phú Trạch (xã Hải Phú)	xã Hải Phú	huyện Bố Trạch	1,18				0,17	1,01	
30	Đường vào Trung tâm Phong Nha, huyện Bố Trạch (đoạn tuyến Lâm Trạch, Xuân Trạch)	Các xã: Lâm Trạch, Xuân Trạch	huyện Bố Trạch	2,70	0,06			0,33	2,24	0,07
31	Đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão	TT Hoàn Lão	huyện Bố Trạch	0,55				0,03	0,51	0,01
32	Khắc phục sau bão lũ đối với Công trình đường tránh lũ từ Ngã ba Độc Lập đi Quyết Thắng, thị trấn NT Việt Trung	TT NT Việt Trung	huyện Bố Trạch	3,78	0,02			0,62	3,14	
33	Cải tạo, nâng cấp Đê Khe Su thị trấn Phong Nha	xã Hưng Trạch và TT Phong Nha	huyện Bố Trạch	1,64				1,41	0,22	0,01
34	Nạo vét Kênh Hói từ Cầu Nhà Mản đến sông Rào Hiêm và cống Lập Lụy	TT Hoàn Lão và xã Đồng Trạch	huyện Bố Trạch	2,91	0,35			1,14	1,32	0,10
35	Tạo quỹ đất lè xen kê khu dân cư	xã Sơn Lộc	huyện Bố Trạch	0,76	0,66			0,10		
36	Nhà làm việc Đội sản xuất Bông Lai kết hợp Trạm bảo vệ rừng Phú Định	xã Phú Định	huyện Bố Trạch	0,06				0,06		
37	Trạm bảo vệ rừng Rào Mạ	xã Hưng Trạch	huyện Bố Trạch	0,03				0,03		
38	Mở rộng khuôn viên Trụ sở làm việc thị trấn Phong Nha	TT Phong Nha	huyện Bố Trạch	0,22	0,18					0,04
39	HTKT Khu dân cư phía Nam đường Quang Trung, phường Quảng Thọ	phường Quảng Thọ	thị xã Ba Đồn	10,50	1,47			0,36	8,45	0,22
40	Nhà sinh hoạt cộng đồng TDP 8, phường Quảng Phong	phường Quảng Phong	thị xã Ba Đồn	0,25				0,18	0,01	0,06
41	Đường nối từ Khu nhà ở thương mại ra bến phà cũ phường Quảng Phong	phường Quảng Phong	thị xã Ba Đồn	1,55	0,25			0,05	1,25	
42	Đường giao thông liên tổ dân phố 6 - 7 phường Quảng Phong	phường Quảng Phong	thị xã Ba Đồn	1,16	0,60			0,20	0,36	
43	Đường giao thông TDP 3 và gia cố mái taluy tuyến đường nối từ khu nhà ở thương mại ra bến phà cũ phường Quảng Phong	phường Quảng Phong	thị xã Ba Đồn	1,30	0,30			0,30	0,70	
44	Hạ tầng đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (giai đoạn 1)	Các xã: Quảng Hòa, Quảng Lộc	thị xã Ba Đồn	6,40	4,70			0,20	1,40	0,10
45	Điểm dân cư thôn Tiên Phan, xã Quảng Tiên	xã Quảng Tiên	thị xã Ba Đồn	0,74	0,27			0,10	0,36	0,01

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất					
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác		
46	Nâng cấp đường Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Đóa, Ngô Thế Lân, xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	0,10	0,05				0,05	
47	Đường từ Cầu Phú Vinh đến TTCN phường Bắc Nghĩa (TDP 3 Phú Vinh)	phường Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	0,05					0,05	
48	Đường xung quanh Sân vận động Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	0,29	0,05				0,24	
49	Hạ tầng kỹ thuật đất ở khu vực hồ Nam Lý	phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	0,68				0,48	0,03	0,17
50	Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới và các tuyến đường phụ cận trong khu vực	Các xã: Lộc Ninh, Quang Phú và phường Đồng Phú	TP. Đồng Hới	15,90	8,00			5,20	2,70	
51	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông và hệ thống hạ tầng khu vực trung tâm thành phố Đồng Hới	Các phường: Nam Lý, Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	0,12				0,05	0,07	
52	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu mở rộng khuôn viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình	phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	1,80				0,43	0,87	0,50
53	Hạ tầng nghĩa trang liệt sỹ xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	0,02				0,02		
54	Hạ tầng Công viên vui chơi giải trí thuộc khu Công viên Cầu Rào, thành phố Đồng Hới (Đợt 3)	phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	2,77	0,85			1,08	0,84	
55	Mở rộng Trường Mầm non Thái Thủy	xã Thái Thủy	huyện Lệ Thủy	0,24					0,24	
56	Cầu Lộc Thủy - An Thủy và Đường hai đầu cầu	Các xã: An Thủy, Lộc Thủy	huyện Lệ Thủy	5,05	3,50			0,30	0,90	0,35
57	Dự án đầu tư xây dựng các trục đường giao thông Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hâu	Các xã: Lương Ninh; Vĩnh Ninh và thị trấn Quán Hâu	huyện Quảng Ninh	2,67	0,09			1,61	0,58	0,35
II	Bổ sung 07 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			14,38	6,54	0,06		5,63	1,98	0,17
1	Dự án Trung tâm thể thao giải trí Happyland	xã Lương Ninh	huyện Quảng Ninh	1,91	1,76				0,15	
2	Xây dựng tổ hợp nhà hàng, khách sạn Hoa Hướng Dương - Sunflower	xã Trung Trạch	huyện Bố Trạch	2,49	2,33			0,01	0,15	
3	Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng ven biển Thanh Trạch	xã Thanh Trạch	huyện Bố Trạch	6,70		0,06		5,01	1,58	0,05

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất					
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác		
4	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Sơn Hóa của ông Nguyễn Công Hoan	xã Sơn Hóa	huyện Tuyên Hóa	0,30	0,08			0,15	0,05	0,02
5	Siêu thị Mini	phường Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	0,19	0,19					
6	Khu Dịch vụ, nghỉ dưỡng Thiên Thù	xã Lương Ninh	huyện Quảng Ninh	1,10	1,10					
7	Mở rộng xí nghiệp gạch Tuynel Hòa Trạch II của Công ty TNHH Trường Phiêm	xã Hòa Trạch	huyện Bố Trạch	1,69	1,08			0,46	0,05	0,10
III	Điều chỉnh 13 dự án tại Nghị quyết 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 (trong đó có 11 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)			71,85	23,24	2,73		19,29	17,67	8,92
1	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch đất ở và đất thương mại dịch vụ tại khu vực thôn Tú Loan 1,2,3 xã Quảng Hưng (Giai đoạn 2) (vị trí 1,2)	Đã phê duyệt	xã Quảng Hưng	huyện Quảng Trạch	3,17	1,10		0,14	1,77	0,16
		Nay điều chỉnh	xã Quảng Hưng	huyện Quảng Trạch	3,17	1,10		0,30	1,77	
2	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Tạo quỹ đất tại xã Vĩnh Ninh	Đã phê duyệt	xã Vĩnh Ninh	huyện Quảng Ninh	4,81	0,68		3,49	0,64	
		Nay điều chỉnh	xã Vĩnh Ninh	huyện Quảng Ninh	4,81	3,79		0,38	0,64	
3	Khắc phục khẩn cấp tuyến đường phục vụ di dân, tái định cư phía Tây hồ Bầu Sen	Đã phê duyệt	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	4,56			4,29	0,27	
		Nay điều chỉnh	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	4,69			4,45	0,17	0,07
4	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch khu dân cư thôn Minh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	xã Quảng Đông	huyện Quảng Trạch	4,90	4,16		0,54	0,20	
		Nay điều chỉnh	xã Quảng Đông	huyện Quảng Trạch	5,14	4,06		0,43	0,56	0,09
5	Tuyến nối trục D1 trước Trung tâm Thể dục thể thao ra kết nối với Công viên hồ Bầu Sen	Đã phê duyệt	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	0,76			0,55		0,21
		Nay điều chỉnh	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	1,80			1,40		0,40

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất						
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác			
6	Dự án HTKT khu QHCT phát triển quỹ đất vùng Đồng Bàu, TDP Chính Trực, Phường Quảng Long (Đợt 1)	Đã phê duyệt	Phường Quảng Long	Thị xã Ba Đồn	1,80	1,26			0,18	0,36	
		Nay điều chỉnh	Phường Quảng Long	Thị xã Ba Đồn	2,53	1,26			0,28	0,36	0,63
7	Dự án Phát triển quỹ đất khu dân cư phía sau trụ sở UBND phường Quảng Thọ	Đã phê duyệt	Phường Quảng Thọ	Thị xã Ba Đồn	4,07	1,02			1,76	1,29	
		Nay điều chỉnh	Phường Quảng Thọ	Thị xã Ba Đồn	3,93	1,21			0,12	1,07	1,53
8	Dự án Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Nam tỉnh lộ 559, thôn Vĩnh Phước Đông, xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn (giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Xã Quảng Lộc	Thị xã Ba Đồn	4,90	3,85			0,04	1,01	
		Nay điều chỉnh	Xã Quảng Lộc	Thị xã Ba Đồn	4,84	3,90			0,01	0,85	0,08
9	Dự án HTKT khu trung tâm xã Quảng Hòa (giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	xã Quảng Hòa	Thị xã Ba Đồn	3,56	2,50			0,04	1,02	
		Nay điều chỉnh	xã Quảng Hòa	Thị xã Ba Đồn	3,61	2,54			0,05	1,02	
10	Dự án Phát triển quỹ đất xứ Đồng Cồn Đò, thuộc TDP 8, phường Quảng Phong	Đã phê duyệt	Phường Quảng Phong	Thị xã Ba Đồn	2,50	2,25				0,25	
		Nay điều chỉnh	Phường Quảng Phong	Thị xã Ba Đồn	2,99	2,78				0,21	
11	Dự án Phát triển quỹ đất Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc	Đã phê duyệt	Phường Quảng Phúc	Thị xã Ba Đồn	3,00		1,20		0,05	0,10	1,65
		Nay điều chỉnh	Phường Quảng Phúc	Thị xã Ba Đồn	2,72		2,63		0,04	0,05	
12	Dự án Khu dân cư và đường Lý Thường Kiệt đoạn qua phường Quảng Thuận	Đã phê duyệt	Phường Quảng Thuận	Thị xã Ba Đồn	7,25	2,51			0,08	4,64	0,02
		Nay điều chỉnh	Phường Quảng Thuận	Thị xã Ba Đồn	7,02	2,60			0,23	4,17	0,02
13	Dự án Đường nối từ Quốc lộ 1A đến Quảng Trường biển xã Ngư Thủy Bắc	Đã phê duyệt	Các xã: Cam Thủy, Ngư Thủy Bắc	huyện Lệ Thủy	25,00				12,00	6,90	6,10
		Nay điều chỉnh	Các xã: Cam Thủy, Ngư Thủy Bắc	huyện Lệ Thủy	24,60		0,10		11,60	6,80	6,10
Tổng cộng (I+II+III): 77 dự án					203,86	65,51	2,79		62,55	57,24	15,77

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Thông qua bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình gồm 77 dự án với tổng diện tích: 203,86 ha, cụ thể:

1. Bổ sung mới 57 dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 35 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích 117,63 ha (bao gồm: 35,73 ha đất trồng lúa; 37,63 ha đất nông nghiệp khác; 37,59 ha đất phi nông nghiệp và 6,68 ha đất chưa sử dụng).

2. Bổ sung mới 07 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai, với tổng diện tích 14,38 ha (bao gồm: 6,54 ha đất trồng lúa; 0,06 ha đất rừng phòng hộ; 5,63 ha đất nông nghiệp khác; 1,98 ha đất phi nông nghiệp và 0,17 ha đất chưa sử dụng).

3. Điều chỉnh 13 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 (trong đó có 11 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật đất đai) với tổng diện tích sau điều chỉnh là: 71,85 ha (bao gồm: 23,24 ha đất trồng lúa, 2,73 ha đất rừng phòng hộ, 19,29 ha đất nông nghiệp khác; 17,67 ha đất phi nông nghiệp và 8,92 ha đất chưa sử dụng).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội; VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT; CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất					
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác		
1	Bổ sung 57 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 35 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)			117,63	35,73			37,63	37,59	6,68
1	Hạ tầng kết nối giao thông tuyến chính từ đường liên xã Long - Phương - Lưu kết nối với các trục đường vào Trung tâm huyện (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	6,50	5,00			0,50	1,00	
2	Mở rộng quy hoạch chi tiết khu ở mới Đồng Trạm thôn Phú Lộc 4, xã Quảng Phú	xã Quảng Phú	huyện Quảng Trạch	0,50	0,46				0,03	0,01
3	Trạm y tế xã Quảng Châu	xã Quảng Châu	huyện Quảng Trạch	0,27	0,12			0,13	0,02	
4	Xây dựng các tuyến đường kết nối từ trục N1 đến Trung tâm Dạy nghề huyện Quảng Trạch	Các xã: Quảng Phương, Quảng Hưng	huyện Quảng Trạch	3,50				1,32	0,08	2,10
5	Hạ tầng giao thông kết nối các khu dân cư từ chợ Quảng Lưu đi chợ Quảng Tiến	Các xã: Quảng Lưu, Quảng Tiến	huyện Quảng Trạch	1,31	0,70			0,50	0,06	0,05
6	Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ hoạt động sản xuất thủy sản huyện Quảng Trạch	Các xã: Quảng Châu, Quảng Xuân, Cảnh Dương	huyện Quảng Trạch	1,50	0,50			0,70	0,05	0,25
7	Nâng cấp, sửa chữa khẩn cấp tuyến đê kè đoạn qua thôn Phù Ninh, xã Quảng Thanh	xã Quảng Thanh	huyện Quảng Trạch	5,50	0,50			0,70	3,80	0,50
8	Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	2,00				1,50		0,50
9	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Bàu Sen tại Trung tâm huyện Quảng Trạch	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	3,00				1,07	1,83	0,10
10	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Thanh - Quảng Phương - Quảng Lưu - Quảng Tiến	Các xã: Quảng Thanh, Quảng Phương, Quảng Lưu, Quảng Tiến	huyện Quảng Trạch	0,55	0,30			0,05		0,20

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất					
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác		
11	Hạ tầng kết nối giao thông từ trung tâm huyện Quảng Trạch đến Quốc lộ 12A (giai đoạn 1)	Các xã: Quảng Phương, Liên Trường	huyện Quảng Trạch	14,00	4,20			7,40	1,80	0,60
12	Tuyến đường nối từ phía Nam hồ Bàu Mây kết nối với tuyến đường liên xã Quảng Phương (Bổ sung diện tích thu hồi)	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	0,04					0,04	
13	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư	xã Xuân Ninh	huyện Quảng Ninh	0,54	0,54					
14	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư	xã Vạn Ninh	huyện Quảng Ninh	0,28				0,13		0,15
15	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ thôn Văn La	xã Lương Ninh	huyện Quảng Ninh	0,28				0,28		
16	Dự án Mở rộng Trường Tiểu học Lương Ninh (bổ sung thêm diện tích)	xã Lương Ninh	huyện Quảng Ninh	0,29	0,20			0,09		
17	Dự án Trường Mầm non Khu vực Lương Yên (bổ sung thêm diện tích)	xã Lương Ninh	huyện Quảng Ninh	0,81	0,67			0,14		
18	Chùa Cảnh Tiên	xã Gia Ninh	huyện Quảng Ninh	0,65				0,54	0,11	
19	Trạm biến áp 110 kV Tuyên Hóa và đấu nối	Các xã: Lê Hóa, Sơn Hóa, Thạch Hóa, Đức Hóa, Phong Hóa, Mai Hóa, Tiến Hóa và TT Đồng Lê (huyện Tuyên Hóa) và các xã: Hồng Hóa, Yên Hóa, Hóa Phúc (huyện Minh Hóa)	các huyện: Tuyên Hóa, Minh Hóa	2,06	0,21			1,74	0,06	0,05
20	Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110 kV từ TBA 220 kV Đồng Hới - TBA 110 kV Đồng Hới	phường Bắc Nghĩa	thành phố Đồng Hới	0,07	0,02			0,05		
21	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư	xã Kim Hóa	huyện Tuyên Hóa	0,35	0,30			0,01	0,04	
22	Nghĩa trang liệt sỹ xã Châu Hóa	xã Châu Hóa	huyện Tuyên Hóa	0,36	0,09			0,20	0,07	
23	Hạ tầng kỹ thuật nối quy hoạch khu vực phía Đông ngã ba thị trấn Hoàn Lão ra biển Trung Trạch	xã Trung Trạch	huyện Bố Trạch	5,99	0,02			5,34	0,52	0,11
24	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư	xã Phúc Trạch	huyện Bố Trạch	0,18				0,15	0,03	
25	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ khu dân cư	xã Tây Trạch	huyện Bố Trạch	0,32					0,32	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất					
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác		
26	Tuyến đường nối từ đường huyện Khương Hà - Cự Năm vào thôn Bắc Năm	xã Cự Năm	huyện Bồ Trạch	0,30	0,16			0,01	0,13	
27	Tạo quỹ đất lè xen kẽ khu dân cư	TT Hoàn Lão	huyện Bồ Trạch	0,17				0,13	0,01	0,03
28	Xây dựng Nhà văn hóa thôn 1, 5, 6	xã Đồng Trạch	huyện Bồ Trạch	0,89	0,34			0,50	0,05	
29	Kè chống sạt lở bờ tả sông Lý Hòa, đoạn qua thôn Nam Sơn, xã Phú Trạch (xã Hải Phú)	xã Hải Phú	huyện Bồ Trạch	1,18				0,17	1,01	
30	Đường vào Trung tâm Phong Nha, huyện Bồ Trạch (đoạn tuyến Lâm Trạch, Xuân Trạch)	Các xã: Lâm Trạch, Xuân Trạch	huyện Bồ Trạch	2,70	0,06			0,33	2,24	0,07
31	Đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão	TT Hoàn Lão	huyện Bồ Trạch	0,55				0,03	0,51	0,01
32	Khắc phục sau bão lũ đối với Công trình đường tránh lũ từ Ngã ba Độc Lập đi Quyết Thắng, thị trấn NT Việt Trung	TT NT Việt Trung	huyện Bồ Trạch	3,78	0,02			0,62	3,14	
33	Cải tạo, nâng cấp Đê Khe Su thị trấn Phong Nha	xã Hưng Trạch và TT Phong Nha	huyện Bồ Trạch	1,64				1,41	0,22	0,01
34	Nạo vét Kênh Hối từ Cầu Nhà Mán đến sông Rào Hiêm và cống Lập Lự	TT Hoàn Lão và xã Đồng Trạch	huyện Bồ Trạch	2,91	0,35			1,14	1,32	0,10
35	Tạo quỹ đất lè xen kẽ khu dân cư	xã Sơn Lộc	huyện Bồ Trạch	0,76	0,66			0,10		
36	Nhà làm việc Đội sản xuất Bông Lai kết hợp Trạm bảo vệ rừng Phú Định	xã Phú Định	huyện Bồ Trạch	0,06				0,06		
37	Trạm bảo vệ rừng Rào Mạ	xã Hưng Trạch	huyện Bồ Trạch	0,03				0,03		
38	Mở rộng khuôn viên Trụ sở làm việc thị trấn Phong Nha	TT Phong Nha	huyện Bồ Trạch	0,22	0,18					0,04
39	HTKT Khu dân cư phía Nam đường Quang Trung, phường Quảng Thọ	phường Quảng Thọ	thị xã Ba Đồn	10,50	1,47			0,36	8,45	0,22
40	Nhà sinh hoạt cộng đồng TDP 8, phường Quảng Phong	phường Quảng Phong	thị xã Ba Đồn	0,25				0,18	0,01	0,06
41	Đường nối từ Khu nhà ở thương mại ra bến phà cũ phường Quảng Phong	phường Quảng Phong	thị xã Ba Đồn	1,55	0,25			0,05	1,25	
42	Đường giao thông liên tổ dân phố 6 - 7 phường Quảng Phong	phường Quảng Phong	thị xã Ba Đồn	1,16	0,60			0,20	0,36	
43	Đường giao thông TDP 3 và gia cố mái taluy tuyến đường nối từ khu nhà ở thương mại ra bến phà cũ phường Quảng Phong	phường Quảng Phong	thị xã Ba Đồn	1,30	0,30			0,30	0,70	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất					
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác		
44	Hạ tầng đường từ cầu Quảng Hải kết nối các tuyến đường trục chính qua các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (giai đoạn 1)	Các xã: Quảng Hòa, Quảng Lộc	thị xã Ba Đồn	6,40	4,70			0,20	1,40	0,10
45	Điểm dân cư thôn Tiên Phan, xã Quảng Tiên	xã Quảng Tiên	thị xã Ba Đồn	0,74	0,27			0,10	0,36	0,01
46	Nâng cấp đường Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Đóa, Ngô Thế Lân, xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	TP. Đồng Hới	0,10	0,05				0,05	
47	Đường từ Cầu Phú Vinh đến TTCN phường Bắc Nghĩa (TDP 3 Phú Vinh)	phường Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	0,05					0,05	
48	Đường xung quanh Sân vận động Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	0,29	0,05				0,24	
49	Hạ tầng kỹ thuật đất ở khu vực hồ Nam Lý	phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	0,68				0,48	0,03	0,17
50	Hệ thống đường nối từ trung tâm thành phố đi sân bay Đồng Hới và các tuyến đường phụ cận trong khu vực	Các xã: Lộc Ninh, Quang Phú và phường Đồng Phú	TP. Đồng Hới	15,90	8,00			5,20	2,70	
51	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông và hệ thống hạ tầng khu vực trung tâm thành phố Đồng Hới	Các phường: Nam Lý, Đồng Sơn	TP. Đồng Hới	0,12				0,05	0,07	
52	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu mở rộng khuôn viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình	phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	1,80				0,43	0,87	0,50
53	Hạ tầng nghĩa trang liệt sỹ xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	TP. Đồng Hới	0,02				0,02		
54	Hạ tầng Công viên vui chơi giải trí thuộc khu Công viên Cầu Rào, thành phố Đồng Hới (Đợt 3)	phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	2,77	0,85			1,08	0,84	
55	Mở rộng Trường Mầm non Thái Thủy	xã Thái Thủy	huyện Lệ Thủy	0,24					0,24	
56	Cầu Lộc Thủy - An Thủy và Đường hai đầu cầu	Các xã: An Thủy, Lộc Thủy	huyện Lệ Thủy	5,05	3,50			0,30	0,90	0,35
57	Dự án đầu tư xây dựng các trục đường giao thông Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hâu	Các xã: Lương Ninh; Vĩnh Ninh và thị trấn Quán Hâu	huyện Quảng Ninh	2,67	0,09			1,61	0,58	0,35
II	Bổ sung 07 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			14,38	6,54	0,06		5,63	1,98	0,17
1	Dự án Trung tâm thể thao giải trí Happyland	xã Lương Ninh	huyện Quảng Ninh	1,91	1,76				0,15	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất					
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác		
2	Xây dựng tổ hợp nhà hàng, khách sạn Hoa Hướng Dương - Sunflower	xã Trung Trạch	huyện Bố Trạch	2,49	2,33			0,01	0,15	
3	Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng ven biển Thanh Trạch	xã Thanh Trạch	huyện Bố Trạch	6,70		0,06		5,01	1,58	0,05
4	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Sơn Hóa của ông Nguyễn Công Hoan	xã Sơn Hóa	huyện Tuyên Hóa	0,30	0,08			0,15	0,05	0,02
5	Siêu thị Mini	phường Bắc Nghĩa	TP. Đồng Hới	0,19	0,19					
6	Khu Dịch vụ, nghỉ dưỡng Thiên Thủy	xã Lương Ninh	huyện Quảng Ninh	1,10	1,10					
7	Mở rộng xí nghiệp gạch Tuynel Hòa Trạch II của Công ty TNHH Trường Phiêm	xã Hòa Trạch	huyện Bố Trạch	1,69	1,08			0,46	0,05	0,10
III	Điều chỉnh 13 dự án tại Nghị quyết 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 (trong đó có 11 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)				71,85	23,24	2,73	19,29	17,67	8,92
1	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch đất ở và đất thương mại dịch vụ tại khu vực thôn Tú Loan 1,2,3 xã Quảng Hưng (Giai đoạn 2) (vị trí 1,2)	Đã phê duyệt	xã Quảng Hưng	huyện Quảng Trạch	3,17	1,10		0,14	1,77	0,16
		Nay điều chỉnh	xã Quảng Hưng	huyện Quảng Trạch	3,17	1,10		0,30	1,77	
2	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Tạo quỹ đất tại xã Vĩnh Ninh	Đã phê duyệt	xã Vĩnh Ninh	huyện Quảng Ninh	4,81	0,68		3,49	0,64	
		Nay điều chỉnh	xã Vĩnh Ninh	huyện Quảng Ninh	4,81	3,79		0,38	0,64	
3	Khắc phục khẩn cấp tuyến đường phục vụ di dân, tái định cư phía Tây hồ Bàu Sen	Đã phê duyệt	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	4,56			4,29	0,27	
		Nay điều chỉnh	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	4,69			4,45	0,17	0,07
4	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch khu dân cư thôn Minh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	xã Quảng Đông	huyện Quảng Trạch	4,90	4,16		0,54	0,20	
		Nay điều chỉnh	xã Quảng Đông	huyện Quảng Trạch	5,14	4,06		0,43	0,56	0,09

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm		Tổng diện tích	Lấy từ loại đất						
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất nông nghiệp				Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
					LUA	RPH	RDD	Các loại đất Nông nghiệp khác			
5	Tuyến nối trục D1 trước Trung tâm Thể dục thể thao ra kết nối với Công viên hồ Bàu Sen	Đã phê duyệt	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	0,76				0,55		0,21
		Nay điều chỉnh	xã Quảng Phương	huyện Quảng Trạch	1,80				1,40		0,40
6	Dự án HTKT khu QHCT phát triển quỹ đất vùng Đồng Bàu, TDP Chính Trực, Phường Quảng Long (Đợt 1)	Đã phê duyệt	Phường Quảng Long	Thị xã Ba Đồn	1,80	1,26			0,18	0,36	
		Nay điều chỉnh	Phường Quảng Long	Thị xã Ba Đồn	2,53	1,26			0,28	0,36	0,63
7	Dự án Phát triển quỹ đất khu dân cư phía sau trụ sở UBND phường Quảng Thọ	Đã phê duyệt	Phường Quảng Thọ	Thị xã Ba Đồn	4,07	1,02			1,76	1,29	
		Nay điều chỉnh	Phường Quảng Thọ	Thị xã Ba Đồn	3,93	1,21			0,12	1,07	1,53
8	Dự án Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Nam tỉnh lộ 559, thôn Vĩnh Phước Đông, xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn (giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Xã Quảng Lộc	Thị xã Ba Đồn	4,90	3,85			0,04	1,01	
		Nay điều chỉnh	Xã Quảng Lộc	Thị xã Ba Đồn	4,84	3,90			0,01	0,85	0,08
9	Dự án HTKT khu trung tâm xã Quảng Hòa (giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	xã Quảng Hòa	Thị xã Ba Đồn	3,56	2,50			0,04	1,02	
		Nay điều chỉnh	xã Quảng Hòa	Thị xã Ba Đồn	3,61	2,54			0,05	1,02	
10	Dự án Phát triển quỹ đất xứ Đồng Cồn Đò, thuộc TDP 8, phường Quảng Phong	Đã phê duyệt	Phường Quảng Phong	Thị xã Ba Đồn	2,50	2,25				0,25	
		Nay điều chỉnh	Phường Quảng Phong	Thị xã Ba Đồn	2,99	2,78				0,21	
11	Dự án Phát triển quỹ đất Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc	Đã phê duyệt	Phường Quảng Phúc	Thị xã Ba Đồn	3,00		1,20		0,05	0,10	1,65
		Nay điều chỉnh	Phường Quảng Phúc	Thị xã Ba Đồn	2,72		2,63		0,04	0,05	
12	Dự án Khu dân cư và đường Lý Thường Kiệt đoạn qua phường Quảng Thuận	Đã phê duyệt	Phường Quảng Thuận	Thị xã Ba Đồn	7,25	2,51			0,08	4,64	0,02
		Nay điều chỉnh	Phường Quảng Thuận	Thị xã Ba Đồn	7,02	2,60			0,23	4,17	0,02
13	Dự án Đường nối từ Quốc lộ 1A đến Quảng Trường biển xã Ngư Thủy Bắc	Đã phê duyệt	Các xã: Cam Thủy, Ngư Thủy Bắc	huyện Lệ Thủy	25,00				12,00	6,90	6,10
		Nay điều chỉnh	Các xã: Cam Thủy, Ngư Thủy Bắc	huyện Lệ Thủy	24,60		0,10		11,60	6,80	6,10
Tổng cộng (I+II+III): 77 dự án					203,86	65,51	2,79		62,55	57,24	15,77